

THÔNG BÁO

Về việc nhận hồ sơ xét chế độ chính sách học kỳ I năm học 2025 - 2026 cho sinh viên các khóa 20, 21, 22, 23

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ vào Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 9 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ chi phí học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Quyết định về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Nhà trường hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách học kỳ I năm học 2025 - 2026 cho sinh viên các khóa 20, 21, 22, 23 cụ thể như sau:

A. MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ CHO SINH VIÊN

1. Các đối tượng được miễn học phí

1.1. Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/6/2005. Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. Cụ thể:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Bệnh binh;

b) Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ

kháng chiến; con của liệt sỹ; con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học.

Hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị miễn học phí.
- Giấy xác nhận là con liệt sỹ, con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh, con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học...

- Giấy khai sinh bản sao.

- Sổ trợ cấp (nếu có, bản phô tô công chứng).

1.2. Sinh viên thuộc đối tượng mồ côi, được bảo trợ xã hội không có nguồn nuôi dưỡng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ.

Hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị miễn học phí
- Giấy khai sinh bản sao.
- Quyết định của UBND xã hoặc cấp tương đương về tình trạng được bảo trợ xã hội không có nguồn nuôi dưỡng.

1.3. Sinh viên khuyết tật, tàn tật.

Hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị miễn học phí
- Giấy xác nhận khuyết tật, tàn tật hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội do UBND xã cấp hoặc cấp tương đương.

1.4. Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo (chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ).

Hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị miễn học phí
- Bản sao giấy khai sinh.
- Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND xã cấp hoặc cấp tương đương.
- Căn cước công dân (bản photo công chứng)

1.5. Sinh viên là người dân tộc thiểu số **rất ít người** ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn.

a) Người dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: *La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bố Y, Si La, Pu Páo, Rơ Măm, Brâu, O Đu.*

b) Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được xác định theo quy định có hiệu lực hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

Hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị miễn học phí
- Bản sao giấy khai sinh.
- Căn cước công dân (bản phô tô công chứng)

2. Đối tượng được giảm 70% học phí

Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị giảm 70% học phí.
- Bản sao giấy khai sinh.
- Căn cước công dân (bản photo công chứng).
- Giấy xác nhận vùng miền có xác nhận của địa phương nơi cư trú.

3. Đối tượng được giảm 50% học phí

Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

Hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị giảm 50% học phí.
- Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng (bản photo công chứng).
- Bản sao giấy khai sinh.

B. CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

1. Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo từng thời kỳ.

Chính sách hỗ trợ học tập: 60% mức lương cơ sở/người/tháng.

Thời gian được hưởng hỗ trợ: 10 tháng/năm;

Hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập theo thông tư 35 (TT 35) nộp kèm theo hồ sơ xin miễn học phí (*Chỉ áp dụng với đối tượng sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo*).

2. Sinh viên thuộc 16 dân tộc có số dân dưới 10.000 người: Cống, Mảng, Pu Páo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chút, Ở Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thên, La Hủ (*sau đây gọi là dân tộc thiểu số rất ít người*).

Chính sách hỗ trợ học tập: 100% mức lương cơ sở/người/tháng.

Thời gian được hưởng hỗ trợ: 12 tháng/năm;

Hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo nghị định 57 (NĐ 57) dành riêng cho sinh viên chỉ thuộc đối tượng là người dân tộc rất ít người.

- Giấy khai sinh bản sao hoặc photo công chứng.

C. CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI:

1. Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao (*là dân tộc ít người liên tục sống ở vùng cao hoặc có hộ khẩu thường trú ở vùng cao ít nhất từ 3 năm trở lên tính đến thời điểm vào học tại trường*), hoặc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị hưởng trợ cấp xã hội.
- Căn cước công dân (bản photo)
- Bản sao giấy khai sinh.
- Giấy xác nhận liên quan tới vùng cao hoặc vùng đặc biệt khó khăn (bản photo).

2. Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa.

Hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị hưởng trợ cấp xã hội.
- Giấy xác nhận của UBND xã hoặc cấp tương đương về tình trạng mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

3. Sinh viên là người tàn tật, khuyết tật theo quy định chung của Nhà nước, gặp khó khăn về kinh tế (theo quy định tại Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 của Chính phủ là những người có khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên, được Hội đồng y khoa có thẩm quyền xác định).

Hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị hưởng trợ cấp xã hội.
- Bản sao chứng thực Biên bản giám định y khoa (có ghi rõ tỷ lệ phần trăm về khả năng lao động bị suy giảm).
- Giấy xác nhận có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

4. Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó trong học tập.

Hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị hưởng trợ cấp xã hội.
- Minh chứng về kết quả học tập trong học kỳ xét chế độ chính sách phải đạt kết quả tối thiểu như sau:

+ Điểm trung bình tích lũy học tập lần 01 đạt từ 3.0 trở lên.

+ Điểm kết quả rèn luyện đạt 80 trở lên.

- Giấy chứng nhận là sinh viên thuộc **Hộ Nghèo** do UBND xã cấp hoặc cấp tương đương.

D. QUY TRÌNH, THỜI HẠN NỘP HỒ SƠ

1. Từ ngày 28/8/2025 đến hết ngày 12/9/2025 (**Riêng khóa 23 nộp hồ sơ chế độ chính sách vào thời điểm nhập học**), Phòng CT HSSV tiếp nhận hồ sơ chế độ chính sách từ giáo viên chủ nhiệm do đồng chí Đoàn Hải Linh phụ trách.

2. Sau khi nhận hồ sơ chế độ chính sách từ các đơn vị, phòng Công tác HSSV sẽ thống kê danh sách và trình Hội đồng xét chế độ chính sách Nhà trường phê duyệt.

E. CÁC TRƯỜNG HỢP CẦN LƯU Ý:

1. Đối với sinh viên khóa 23 và những trường hợp bổ sung của các khóa còn lại (*chưa được hưởng bất kỳ chế độ nào trong quá trình học tính đến thời điểm hiện tại*), bắt buộc phải hoàn thiện hồ sơ xét chế độ chính sách đầy đủ theo thông báo (*Bao gồm cả những sinh viên khóa 23 đã được tạm xét miễn, giảm học phí tại thời điểm nhập học*).

2. Sinh viên nộp đơn sau thời gian quy định, chỉ được xét chế độ chính sách ở các học kỳ tiếp theo.

3. Với Sinh viên được hưởng Miễn học phí thì bộ hồ sơ gồm: Đơn đề nghị miễn học phí (đối với trường hợp liên quan tới hộ nghèo hoặc cận nghèo) và Đơn xin hỗ trợ chi phí học tập và các giấy tờ có liên quan gộp chung thành 01 bộ hồ sơ.

4. Với sinh viên được hưởng giảm 70% học phí thì gồm 02 bộ hồ sơ; 01 bộ hồ sơ có Đơn đề nghị giảm 70% học phí và các giấy tờ các liên quan và 01 bộ hồ sơ hưởng trợ cấp xã hội có Đơn đề nghị hưởng trợ cấp xã hội và các giấy tờ có liên quan theo thông báo để phòng chức năng lưu trữ.

5. Sinh viên là **Dân tộc kinh** được hưởng chế độ chính sách với các trường hợp như sau:

- Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật.
- Người có công và thân nhân của người có công với cách mạng.
- Sinh viên mồ côi cả cha và mẹ không nơi nương tựa.
- Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó trong học tập.

(*Đã có hướng dẫn cụ thể của từng chế độ trong thông báo này*)

6. Sinh viên chỉ được xét chế độ chính sách trong các học kỳ chính (kỳ 1, kỳ 2 và kỳ 3 lần đầu) và không được xét chế độ chính sách cho sinh viên đăng ký học lại, học bổ sung, học hè, học chương trình 2 (ngành 2), tự ý bỏ học, buộc thôi học và đang trong thời gian bảo lưu...

7. Các mẫu đơn liên quan đến các chế độ đã được đăng tải trên website: <http://sinhvien.tnus.edu.vn>.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu (báo cáo);
- Các Khoa/Bộ môn (thực hiện);
- Website, QLVB;
- Lưu VT, CT HSSV, (1).

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG CT HSSV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



TS. Trương Phúc Hưng